**Biểu mẫu 09**

SỞ GD & ĐT ĐĂKNÔNG

**TRƯỜNG PTDTNT THCS’ &THPT**

**HUYỆN ĐĂKR’LẤP**

**THÔNG** BÁO

**Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2018 – 2019**

*( thực hiện theo TT 36/2017-TT-BGD&ĐT)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **N**ộ**i dung** | **Chia theo kh**ố**i l**ớ**p** | | | |
| **L**ớ**p 6** | **L**ớ**p 7** | **L**ớ**p 8** | **L**ớ**p 9** |
| **I** | Điều kiện tuyển sinh | 30 ( xét tuyển) | 30 | 30 | 29 |
| **II** | Chương trình mà giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ | Chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo | | | |
| **III** | Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở  giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh. | - Cha mẹ học sinh phối hợp thường xuyên với giáo viên chủ nhiệm của lớp, dự họp CMHS 3 lần / năm học, tham gia một số cuộc họp do nhà trường đề nghị.  - Học sinh học tập, sinh hoạt chuyên cần, tự giác, chủ động trong học tập và rèn luyện. | | | |
| **IV** | Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục. | - Thực hiện đầy đủ chế độ theo TT109 công tác nuôi dưỡng đối với học sinh nội trú.  - Hoạt động bồi dưỡng học sinh giỏi khối 8,9.  - Hoạt động phụ đạo học sinh yếu kém (4 khối).  - Hoạt động ngoài giờ lên lớp, ngoại khóa 4 khối. | | | |
| **V** | Kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được | - Xếp loại hạnh kiểm: Tốt tăng từ 2% trở lên  TB: giảm 1%  Yếu: 0%  - Xếp loại học tập: Giỏi: tăng 2%  Khá: tăng 1%  Yếu: giảm từ 1% đến 2%  Kém: giảm 0,2% | | | |
| **VI** | Khả năng học tập tiếp tục của học sinh | Duy trì sĩ số học sinh tốt | | | |

*ĐăkR’Lấp, ngày 02 tháng 10 năm 2018*

**HIỆU TRƯỞNG**

Trần Văn

SỞ GD & ĐT ĐĂKNÔNG

**TRƯỜNG PTDTNT THCS’ &THPT**

**HUYỆN ĐĂKR’LẤP**

**THÔNG** BÁO

**Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2018 – 2019**

*( thực hiện theo TT 36/2017-TT-BGD&ĐT)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **N**ộ**i dung** | **Chia theo kh**ố**i l**ớ**p** | | | |
|  | **L**ớ**p 10** | **L**ớ**p 11** | **Lớp 12** |
| **I** | Điều kiện tuyển sinh | 86 | 30 (xét tuyển ) | 27 | 29 |
| **II** | Chương trình mà giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ | Chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo | | | |
| **III** | Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở  giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh. | - Cha mẹ học sinh phối hợp thường xuyên với giáo viên chủ nhiệm của lớp, dự họp CMHS 3 lần / năm học, tham gia một số cuộc họp do nhà trường đề nghị.  - Học sinh đi học chuyên cần, tự giác, chủ động trong học tập và rèn luyện. | | | |
| **IV** | Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục. | - Thực hiện đầy đủ chế độ theo TT109 công tác nuôi dưỡng đối với học sinh nội trú.  - Hoạt động bồi dưỡng học sinh giỏi khối .10;11  - Hoạt động phụ đạo học sinh yếu kém (3 khối).  - Hoạt động ngoài giờ lên lớp, ngoại khóa 3 khối. | | | |
| **V** | Kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được | - Xếp loại hạnh kiểm: Tốt tăng từ 2% trở lên  TB: giảm 1%  Yếu: 0%  - Xếp loại học tập: Giỏi: tăng 2%  Khá: tăng 1%  Yếu: giảm từ 1% đến 2%  Kém: giảm 0,2% | | | |
| **VI** | Khả năng học tập tiếp tục của học sinh | Duy trì sĩ số học sinh tốt | | | |

*ĐăkR’Lấp, ngày 02 tháng 10 năm 2018*

**HIỆU TRƯỞNG**

**Trấn Văn**